TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 60/2024/HNGĐ-ST
Ngày 03-7-2024
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Duy Đô
Các Hội thẩm nhân dân:
1- Bà Hà Thị Thoan;
2- Ông Trương Xuân Vũ.
Thư ký phiên toà: Bà Lương Thuỳ Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Ông Lý Văn Tầm- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2024/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXX-ST ngày 06 tháng 6 năm 2024; Q định hoãn phiên toà số 40/2024/QĐST -HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:
Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Q** 41 tuổi
Địa chỉ: Thôn 1 Th- xã Ph- huyện L- tỉnh Y, có mặt.
Bị đơn: Anh **Bàn Văn P** 44 tuổi
Địa chỉ: Thôn 1 Th- xã Ph- huyện L- tỉnh Y, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 25-3-2023 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Trần Thị Q trình bày: Chị và anh Bàn Văn P về sống chung như vợ chồng năm 2002 chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc bình thường, đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh P hay đi uống rượu say về gây sự, nhiều lần đánh chị…. Hai người sống ly thân từ tháng 3 năm 2023. Xác định không thể chung sống lâu dài chị đề nghị giải quyết cho ly hôn. Chị và anh P có hai con chung là Bàn Thị Ng sinh ngày 10-5-2004 và Bàn Văn L sinh ngày 07-02-2010; cháu Ng đã trưởng thành. Ly hôn chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y đã ra văn bản thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Bàn Văn P vắng mặt nên Toà án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục pháp luật quy định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; bị đơn được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, vắng mặt tại phiên toà là chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội; tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Q và anh Bàn Văn P; giao cháu Bàn Văn L cho chị Trần Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa chị Trần Thị Q và anh Bàn Văn P là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã Ph- huyện L- tỉnh Y nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù đã được triệu tập, cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Bàn Văn P vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Q và anh Bàn Văn P về sống chung như vợ chồng năm 2002 không đăng ký kết hôn là đúng thực tế. Trong nhiều năm qua giữa hai người xảy ra mâu thuẫn, xác định không thể chung sống lâu dài nên chị Q đề nghị giải quyết cho ly hôn.

Để góp phần xây dựng, hoàn thiện, bảo vệ chế độ hôn nhân, gia đình tiến bộ, Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "V*iệc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện...*"; *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng..."*. Thực tế trong vụ án này chị Trần Thị Q và anh Bàn Văn P về chung sống với nhau không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 điều 9 Luật Hôn nhân và

gia đình. Do đó cần phải áp dụng những quy định trên đây để tuyên bố chị Q và anh P không phải là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Q và anh Bàn Văn P có hai cháu là Bàn Thị Ng sinh ngày 10-5-2004 và Bàn Văn L sinh ngày 07-02-2010; cháu Ng đã trưởng thành. Quá trình giải quyết vụ án chị Q đề nghị được nuôi cháu L, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con. Trong biên bản lấy lời khai cháu L thể hiện nguyện vọng muốn ở với mẹ. Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh P không có mặt để thể hiện quan điểm về vấn đề nuôi con, do đó cần giao cháu Bàn Văn L cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Do chị Q không yêu cầu nên anh P không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung; nợ chung: Chị Q không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

Q ĐỊNH

1- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 điều 9; khoản 1 điều 14 và khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Q và anh Bàn Văn P.

2- Về con chung: Căn cứ các điều 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; giao cháu Bàn Văn L sinh ngày 07-02-2010 cho chị Trần Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Bàn Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Trần Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, xác nhận chị Q đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2023/0001671 ngày 25-3-2024.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; chị Trần Thị Q có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Bàn Văn P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết quy định của pháp luật.

5- Q định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô